

Số: 392/KH-ĐHDN

Đồng Nai, ngày 17 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Thực hiện Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phân bổ biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Đồng Nai được quy định tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 21 tháng 1 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Nai”;

Căn cứ Đề án vị trí việc làm của trường Đại học Đồng Nai đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt danh mục, số lượng người làm việc, bản mô tả công việc và khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Đồng Nai và trường Phổ thông Thực hành Sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai và nhu cầu thực tế của Trường;

Trường Đại học Đồng Nai xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Số lượng người làm việc được giao năm 2019: 566 (người), trong đó:

- Số lượng biên chế được giao: 435 (người). Trong đó viên chức 399 người, số lượng người làm việc hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 36 (người).

- Số lượng tự trang trải kinh phí: 131 (người)
- 2. Số lượng người làm việc đã thực hiện đến thời điểm 31/03/2019 là 415 (người), trong đó:
 - Số lượng biên chế viên chức: 382 (người)
 - Số lượng người làm việc hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 33 (người)

II. ĐIỀU KIỆN TUYỂN DỤNG

1. Điều kiện tuyển dụng (căn cứ Điều 22 Luật Viên chức); người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;

- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN TUYỂN DỤNG:

1. Thi tuyển đối với vị trí tuyển dụng là giảng viên và giáo viên được thực hiện theo 2 vòng thi:

1.1. Người dự tuyển viên chức phải thực hiện các bài thi sau:

- Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

- Phần I: Kiến thức chung 60 câu về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

- Phần II: Ngoại ngữ 30 câu là tiếng Anh. Thời gian thi 30 phút. Đối với vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn là ngoại ngữ thì người dự tuyển không phải thi ngoại ngữ tại vòng 1.

b) Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành:

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

b) Hình thức thi: Thi thực hành giảng dạy.

c) Thang điểm: 100 điểm.

d) Thời gian thi: Thi 02 tiết dạy trên lớp.

1.2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức

- Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

2. Xét tuyển đối với vị trí tuyển dụng là chuyên viên và tương đương.

2.1. Người dự tuyển viên chức phải thực hiện theo 2 vòng thi:

- Vòng 1

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2

a) Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

2.2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

- Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

- Trường hợp người dự tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

- Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả cho các kỳ xét tuyển lần sau.

IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN:

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả thi tại vòng 2;

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

Trường hợp người dự thi tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. LỆ PHÍ TUYỂN DỤNG:

Thực hiện theo mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

VI. YÊU CẦU VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG

1. Yêu cầu chung

a. Đối với giảng viên

- Có trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành dự tuyển;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

- Trình độ ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Trình độ tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

b. Đối với giáo viên

- Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng sư phạm trở lên hoặc cao đẳng trở lên các chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành dự tuyển và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm phù hợp;

- Trình độ ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Trình độ tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

c. Đối với chuyên viên và tương đương

- Tốt nghiệp đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành dự tuyển;

- Trình độ ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Trình độ tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

d. Đối với chức danh nhân viên

- Người dự tuyển phải đạt trình độ tốt nghiệp từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên các chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành dự tuyển;

- Trình độ ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Trình độ tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày

11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Lưu ý:

- Người tham gia tuyển dụng năm 2019 nếu chưa có trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin thì sử dụng chứng chỉ quy đổi theo văn bản số 3126/SGDDT-TCCB ngày 10/11/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

- Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành.

2. Nhu cầu và chỉ tiêu tuyển dụng

a. Vị trí giảng viên: 17 người

b. Giáo viên: 92

c. Chuyên viên và tương đương: 23

Chi tiết xem Phụ lục đính kèm

VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NỘP PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Thông báo tuyển dụng

- Thông báo công khai trên Báo Đồng Nai, trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://www.dnpu.edu.vn>, niêm yết trên bảng tin và website tỉnh kể từ ngày 22/04/2019.

- Thời gian nhận phiếu đăng ký dự tuyển: 30 ngày kể từ ngày 22/04/2019 đến hết ngày 21/05/2019.

- Thông báo danh sách người đủ điều kiện dự tuyển trên *website* <http://tochuchanhchinh.dnpu.edu.vn> từ ngày 30/05/2019.

2. Địa điểm nộp phiếu đăng ký dự tuyển

- Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại Trường Đại học Đồng Nai.

- Địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính (HB.207) trường Đại học Đồng Nai (cơ sở 1. Số 4 đường Lê Quý Đôn, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai).

Việc tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển phải có giấy biên nhận, được ký xác nhận của thí sinh và người tiếp nhận.

Đối với thí sinh gửi Phiếu đăng ký dự tuyển theo đường bưu chính, cần có xác nhận của dịch vụ bưu chính về nơi nhận theo quy định

3. Thời gian, địa điểm ôn tập, tổ chức tuyển dụng Hội đồng tuyển dụng sẽ có thông báo cụ thể sau.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra

Hội đồng tuyển dụng báo cáo về Sở Nội vụ lịch tổ chức thi, xét tuyển và phỏng vấn đề Sở Nội vụ có kế hoạch kiểm tra, giám sát kỳ tuyển dụng viên chức theo quy định. Đồng thời, thành lập Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức của Trường.

Trên đây là nội dung Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019 của Trường Đại học Đồng Nai, Trường Đại học Đồng Nai thông báo để các cơ quan, đơn vị và các thí sinh được biết, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên hệ Trường Đại học Đồng Nai để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu VT, TC-HC.


HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Minh Hùng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 392/KH-ĐHĐN ngày 17/4/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai)

TT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp		Trình độ			Số lượng cần tuyển
		Hạng	Mã số	Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1.	Thu lệ phí, học phí	III	06.031	Đại học trở lên chuyên ngành Kế toán, Kế toán – Kiểm toán, Tài chính – Ngân hàng.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
2.	Chính sách- Tiền lương	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành Kế toán, Kế toán – Kiểm toán, Tài chính – Ngân hàng.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
3.	Tổ chức cán bộ	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin, Hành chính học.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01 (Nam)
4.	Y tế trường học	IV	V.08.03.07	Trung cấp trở lên chuyên ngành Y sĩ, Điều dưỡng.	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
5.	Lưu trữ	III	V.01.02.02	Cao đẳng trở lên chuyên ngành Quản trị văn phòng- Lưu trữ, Lưu trữ học.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
6.	Quản lý phòng học	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Kế toán,	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02



7.	Quản trị thiết bị	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin, Khoa học máy tính.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
8.		IV	01.004	Cao đẳng trở lên chuyên ngành Điện - Điện tử, Điện tử viễn thông.	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
9.	Văn phòng	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, Tài chính- Ngân hàng.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
10.	Hỗ trợ sinh viên	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành Ngữ văn, Văn hóa học, Công tác xã hội.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
11.	Biên mục tài liệu	III	V.10.02.06	Đại học trở lên chuyên ngành Thư viện thông tin.	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
12.	Lưu hành tài liệu	IV	V.10.02.07	Cao đẳng trở lên chuyên ngành Thư viện, Thư viện thông tin.	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
13.	Văn phòng (Khiếm thính)	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành Lý luận văn học, Tâm lý học	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
14.		IV	01.004	Cao đẳng trở lên chuyên ngành Quản trị nhà hàng- Khách sạn	Chứng chỉ B Tiếng Anh hoặc TOEIC 515	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
15.	Công nghệ thông tin (Khiếm thính)	IV	01.004	Cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thông tin, Tin học	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
16.	Y tế trường học (Khiếm thính)	IV	V.08.03.07	Trung cấp trở lên chuyên ngành Y sĩ, Điều dưỡng.	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
17.	Văn phòng khoa	III	01.003	Đại học trở lên chuyên ngành Tâm lý học giáo dục	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
18.	Giáo dục Mầm non	III	V.07.01.03	Thạc sĩ Giáo dục Mầm non	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01

19.	Tài chính, kế toán	III	V.07.01.03	Tiến sĩ chuyên ngành Tài chính, Kế toán	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
20.	Quản trị kinh doanh	III	V.07.01.03	Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
21.	Quản lý đất đai	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
22.	Khoa học môi trường	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học môi trường	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
23.	Giảng dạy môn Việt	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Tiếng Anh	Chứng chỉ B các tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
24.	Giảng dạy môn Văn hóa-Văn minh Mỹ	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Tiếng Anh	Chứng chỉ B các tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
25.	Giảng dạy môn Dịch	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Tiếng Anh	Chứng chỉ B các tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
26.	Giảng dạy môn Đọc	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Tiếng Anh	Chứng chỉ B các tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
27.	Giảng dạy môn Tiếng Anh cơ bản	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Tiếng Anh	Chứng chỉ B các tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
28.	Giảng dạy môn Tiếng Trung	III	V.07.01.03	Thạc sĩ chuyên ngành Tiếng Trung Quốc	Chứng chỉ B các tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
29.	Giảng dạy Hóa vô cơ	III	V.07.01.03	Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Hóa vô cơ	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
30.	Giảng dạy môn Tâm lý học	III	V.07.01.03	Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Tâm lý học	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01

31.	Giảng dạy môn Giáo dục học	III	V.07.01.03	Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Giáo dục học	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
32.	Giảng dạy môn Quản lý giáo dục	III	V.07.01.03	Thạc sĩ trở lên chuyên ngành Quản lý giáo dục	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
33.	Giáo viên Toán THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Toán trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	07
34.	Giáo viên Lý-Công nghệ THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	04
35.	Giáo viên Hóa học THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
36.	Giáo viên Sinh học-Công nghệ THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	03
37.	Giáo viên Ngữ văn THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	05
38.	Giáo viên Lịch sử THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
39.	Giáo viên Địa lý THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Địa lý trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
40.	Giáo viên Tin học THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Tin học trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
41.	Giáo viên Giáo dục công dân THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục chính trị hoặc Giáo dục công dân trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01

42.	Giáo viên tiếng Anh THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh trở lên	Chứng chỉ B các tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc	Ứng dụng CNTT Cơ bản	06
43.	Giáo viên Giáo dục thể chất THPT	III	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
44.	Giáo viên Toán THCS	III	V.07.04.12	CDSP Toán trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	08
45.	Giáo viên Lý học- Công nghệ THCS	III	V.07.04.12	CDSP vật lý trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	05
46.	Giáo viên Hóa học THCS	III	V.07.04.12	CDSP Hóa học trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	03
47.	Giáo viên Sinh học- Công nghệ THCS	III	V.07.04.12	CDSP Sinh học trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	04
48.	Giáo viên Ngữ văn THCS	III	V.07.04.12	CDSP Ngữ văn trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	05
49.	Giáo viên Lịch sử THCS	III	V.07.04.12	CDSP Lịch sử trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
50.	Giáo viên Địa lý THCS	III	V.07.04.12	CDSP Địa lý trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
51.	Giáo viên Giáo dục công dân THCS	III	V.07.04.12	CDSP Giáo dục chính trị hoặc Giáo dục công dân trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
52.	Giáo viên Tiếng Anh THCS	III	V.07.04.12	CDSP Tiếng Anh trở lên	Chứng chỉ A các tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc	Ứng dụng CNTT Cơ bản	09

53.	Giáo viên Tin học THCS	III	V.07.04.12	CDSP Tin học trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
54.	Giáo viên Âm nhạc THCS	III	V.07.04.12	CDSP Âm nhạc trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	02
55.	Giáo viên Mỹ thuật THCS	III	V.07.04.12	CDSP Mỹ thuật trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	01
56.	Giáo viên Giáo dục thể chất THCS	III	V.07.04.12	CDSP Giáo dục thể chất trở lên	Tiếng Anh: Bậc 1 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c A	Ứng dụng CNTT Cơ bản	03
57.	Giáo viên Mầm non	III	V.07.02.05	CDSP Mầm non trở lên	Tiếng Anh: Bậc 2 Khung NLNN 6 bậc VN hoặc C/c B	Ứng dụng CNTT Cơ bản	09

Án định danh sách này có 57 vị trí việc làm và số lượng người làm việc là 132 người

3
2
3